

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ MỚI  
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/HS - ST

Ngày: 19/4/2021.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI – TỈNH BẮC KẠN**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Triệu Thị Vang**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Văn Ngộ** và Ông **Dương Văn Hà**

Thư ký phiên tòa: Ông **Bảo Thanh Toàn** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông **Hoàng Đức Dũng** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 18/2021/TLST - HS, ngày 05 tháng 02 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐXXST – HS, ngày 05 tháng 4 năm 2021 đối với các bị cáo:

1, **HÀ VĂN M**, sinh ngày: 18/8/1975 tại huyện C, tỉnh Bắc Kạn; Nơi ĐKKHKT: thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 07/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lộc Văn N (đã chết) và Con bà: Hà Thị L; Có vợ là: Nguyễn Thị D và có 02 (hai) con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Hà Văn M sinh ra và lớn lên tại xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, được gia đình nuôi ăn học đến lớp 7/12 thì ở nhà lao động tự do cho đến nay. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2, **HÀ VĂN P**, sinh ngày: 07/10/1985 tại huyện C, tỉnh Bắc Kạn; Nơi ĐKKHKT: thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc

tịch: Việt Nam; Con ông: Hà Văn X và Con bà: Lưu Thị T; Có vợ là: Nguyễn Thị D và có 02 (hai) con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Hà Văn P sinh ra và lớn lên tại xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, được gia đình nuôi ăn học đến lớp 12/12 thì ở nhà lao động tự do cho đến nay. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3, **NGUYỄN THỊ B**, sinh ngày: 05/12/1977 tại huyện C, tỉnh Bắc Kạn; Nơi ĐKHKTT: thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: không rõ; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lộc Văn H (đã chết) và Con bà: Nguyễn Thị H; Có chồng là: Hà Văn A và có 02 (hai) con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Nguyễn Thị B sinh ra và lớn lên tại xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, lớn lên ở nhà lao động tự do cho đến nay. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

\* **Nguyên đơn dân sự: UBND huyện C, tỉnh Bắc Kạn.** Địa chỉ: tổ 01, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Người đại diện theo uỷ quyền là: Ông Bùi Nguyên Q, sinh năm 1975, chức vụ: trưởng phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện C, tỉnh Bắc Kạn. (Theo văn bản uỷ quyền số 196/QĐ – UBND, ngày 05/02/2021). Ông Q có mặt tại phiên tòa.

\* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hà Thị A**, sinh năm 1967; Trú tại: thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (Vắng mặt có lý do, có đơn xin xét xử vắng mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 01 năm 2020, do có nhu cầu canh tác, phát triển kinh tế gia đình, Hà Văn P đã mượn một mảnh rừng tại khu vực rừng K, thuộc thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn của gia đình Hà Văn M (chú của P) với mục đích phát phá, cải tạo đất để trồng cây keo. P một mình sử dụng dao để phát phá những cây Nứa, cây bụi nhỏ, số cây gỗ lớn còn lại P nhờ Hà Văn M cùng mình dùng cưa máy cắt hạ trong khoảng 01 ngày. Quá trình phát phá kéo dài trong khoảng 20 ngày thì P thực hiện xong.

Vào cùng thời điểm tháng 01 năm 2020, do cũng có nhu cầu canh tác, phát triển kinh tế gia đình, Nguyễn Thị B đã tiến hành phát phá một mảnh rừng liền kề với mảnh rừng mà Hà Văn P phát phá, tại khu vực rừng K, thuộc thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, với mục đích để trồng cây keo, mảnh rừng bị phát phá là của gia đình Hà Văn M. Mảnh đất rừng này trước đó vào năm 2016, Hà Văn M và vợ là Nguyễn Thị D đã lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho vợ chồng anh Hà Văn A (anh trai M) và Nguyễn Thị B trú tại thôn B, xã N, huyện C, tỉnh

Bắc Kạn, tuy nhiên đến nay thủ tục chuyển nhượng chưa thực hiện xong, vợ chồng anh Hà Văn A chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quá trình phát phá, Nguyễn Thị B có nhờ bà Hà Thị A trú cùng thôn phát phá cùng trong 06 ngày, với mục đích là đôi công. B và chị Hà Thị A sử dụng dao để phát phá những cây Nứa, cây bụi nhỏ, số cây gỗ lớn còn lại B nhờ Hà Văn M dùng cưa máy cắt hạ. Quá trình phát phá kéo dài trong khoảng 01 tháng thì B thực hiện xong.

Kết quả điều tra xác định cả hai mảnh rừng mà Hà Văn P, Nguyễn Thị B và Hà Văn M phát phá là thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên người sử dụng đất là hộ ông Hà Văn M, vào sổ cấp GCNQSDĐ số: 00293QSDĐ/490/11/2001, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 16/5/2002.

Sau khi xảy ra vụ việc, ngày 24/02/2020 Hạt kiểm lâm huyện C tiến hành kiểm tra và xác định: khu rừng bị chặt phá thuộc lô 7, 11, khoảnh 7, tiểu khu 441 (Bản đồ quy hoạch 3 loại rừng xã N). Diện tích rừng bị phát phá là 33.830m<sup>2</sup>. Rừng bị phát phá là loại rừng sản xuất. Số lượng lâm sản bị cắt hạ là 61 khúc gỗ (từ nhóm V đến nhóm VIII), có khối lượng 13,904m<sup>3</sup> và 83.424 cây Nứa. Khu rừng trên không được cơ quan có thẩm quyền cho phép cải tạo.

Ngày 03/4/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Mới tiến hành khám nghiệm hiện trường và xác định: khu rừng bị chặt phá thuộc lô 7, 11, khoảnh 7, tiểu khu 441 thuộc khu rừng K, thôn Bản C, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Diện tích rừng bị phát phá là 33.830m<sup>2</sup>. Rừng bị phát phá là loại rừng tự nhiên sản xuất. Số lượng lâm sản bị cắt hạ là 61 cây gỗ (từ nhóm V đến nhóm VIII), có khối lượng 13,904m<sup>3</sup> và 83.424 cây Nứa.

Ngày 27/10/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Mới tiến hành thực nghiệm điều tra để xác định diện tích rừng bị phát phá và thiệt hại lâm sản của từng người gây ra, kết quả: Diện tích rừng mà Hà Văn P phát phá là 18.160m<sup>2</sup>; số lượng lâm sản bị cắt hạ là 09 khúc gỗ, có khối lượng 2,804m<sup>3</sup> và 44.782 cây Nứa; Diện tích rừng mà Nguyễn Thị B phát phá là 15.670m<sup>2</sup>; số lượng lâm sản bị cắt hạ là 52 khúc gỗ, có khối lượng 11,100m<sup>3</sup> và 38.642 cây Nứa.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số: 72/KL - HĐĐGTS ngày 19/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản Tổ tụng hình sự huyện C kết luận: 61 khúc gỗ các loại từ nhóm V đến nhóm VIII, khối lượng là 13,904m<sup>3</sup>, có giá trị là 9.253.000đ (chín triệu hai trăm năm mươi ba nghìn đồng); 83.424 cây Nứa tẻ có đường kính trung bình từ 01 - 05cm có giá trị là 108.451.200đ (Một trăm linh tám triệu bốn trăm năm mươi một nghìn hai trăm đồng). Tổng giá trị tài sản thiệt hại là 117.704.200đ (một trăm mười bảy triệu bảy trăm linh tư nghìn hai trăm đồng).

Ngày 09/01/2021, Hội đồng định giá tài sản Tổ tụng hình sự huyện C có Công văn số 07 về việc tách giá trị tài sản bị thiệt hại trong vụ án hình sự theo từng đối tượng thực hiện hành vi phạm tội, xác định:

Đối với Nguyễn Thị B, gồm: 52 khúc gỗ (từ nhóm V đến nhóm VIII), có khối lượng 11,100m<sup>3</sup> và 38.642 cây Nứa, có tổng giá trị là 57.419.300đ (trong đó: số gỗ có giá trị là 7.184.700đ; số Nứa có giá trị là 50.234.600đ).

Đối với Hà Văn P, gồm: 09 khúc gỗ (từ nhóm V đến nhóm VIII), có khối lượng 2,804m<sup>3</sup> và 44.782 cây Nứa, có tổng giá trị là 60.284.900đ (trong đó: số gỗ có giá trị là 2.068.300đ; số Nứa có giá trị là 58.216.600đ).

Tại biên bản làm việc ngày 13/5/2020 của Hạt kiểm lâm huyện C, xác định: khu rừng thuộc lô 7, 11, khoảnh 7, Tiểu khu 441 thuộc khu rừng K, thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn là thuộc loại rừng sản xuất hỗn giao, gỗ tự nhiên, núi đất; Trạng thái khu rừng bị phát phá là rừng giàu.

Tại Cơ quan điều tra, Hà Văn M, Hà Văn P và Nguyễn Thị B đều thừa nhận hành vi của mình, thừa nhận được trực tiếp phát phá khu rừng, bản thân B được phát phá khu rừng đã được Hà Văn M tặng cho, P phát phá khu rừng đã được Hà Văn M cho mượn, M giúp P và B phát phá cả hai khu rừng trên. Khi phát phá rừng, những người trong gia đình của cả 03 bị cáo đều không được bàn bạc và tham gia. M thừa nhận khu rừng trên thuộc quyền quản lý của mình và cả 03 bị cáo đều biết khu rừng trên là chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác, cải tạo.

Tại bản cáo trạng số: 04/CT - VKSCM, ngày 05 tháng 02 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố đối với các bị cáo Hà Văn M, Hà Văn P, Nguyễn Thị B đều về tội “Huỷ hoại rừng” theo điểm đ, khoản 2, Điều 243/BLHS.

**\* Điều 243/BLHS có nội dung:** “1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác huỷ hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm: ...

đ) Rừng sản xuất có diện tích từ 10.000 mét vuông (m<sup>2</sup>) đến dưới 50.000 mét vuông (m<sup>2</sup>);”

Tại phiên tòa:

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo M, P, B. Đề nghị hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Hà Văn M, Hà Văn P, Nguyễn Thị B đều phạm tội “Huỷ hoại rừng”. Đề nghị:

- Về hình phạt chính: + Áp dụng điểm đ, khoản 2, Điều 243; điểm b, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 65/BLHS: xử phạt bị cáo M 36 (Ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 (Sáu mươi) tháng. Giao bị cáo M cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

+ Áp dụng điểm đ, khoản 2, Điều 243; điểm b, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 65/BLHS: xử phạt bị cáo P 36 (Ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 (Sáu mươi) tháng. Giao bị cáo P cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

+ Áp dụng điểm đ, khoản 2, Điều 243; điểm b, s, v, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 54; Điều 65/BLHS: xử phạt bị cáo B từ 30 (Ba mươi) tháng đến 33 (Ba mươi ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 (Sáu mươi) tháng. Giao bị cáo B cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

- Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo M, P, B.

- Về vật chứng: áp dụng Điều 47/BLHS và Điều 106/BLTTHS:

+ Tịch thu tiêu hủy các vật chứng không có giá trị gồm: 01 con dao có chiều dài là 45 cm, thân dao dài 30cm, rộng 5cm, chuôi dao làm bằng gỗ dài 15 cm (dao cũ, đã qua sử dụng); 01 con dao có chiều dài là 44 cm, thân dao dài 28cm, bản rộng 4,7 cm, chuôi dao làm bằng gỗ dài 16 cm (dao cũ, đã qua sử dụng); 01 con dao quắm có thân dao dài 26 cm, chuôi dao dài 10cm, bản rộng 4,5 cm (dao cũ, đã qua sử dụng); 01 con dao quắm có chiều dài 60 cm, chuôi dao được làm bằng gỗ.

+ 01 chiếc cưa lóc màu vàng cam, nhãn hiệu Husqvarna 365 cũ, đã qua sử dụng, kèm theo 01 lưỡi lam màu trắng, có chiều dài là 60cm, lưỡi lam rộng 09 cm và 01 dây xích màu đen: là phương tiện phạm tội, tịch thu hoá giá sung quỹ nhà nước.

+ 61 khúc gỗ (từ nhóm V đến nhóm VIII), có khối lượng 13,904m<sup>3</sup> và 83.424 cây Nứa: Đề nghị trả lại cho nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

- Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của các bị cáo Hà Văn M, Hà Văn P, Nguyễn Thị B (mỗi bị cáo số tiền là 1.000.000đ) cho Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

\* Các bị cáo M, P, B thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi huỷ hoại rừng như viện kiểm sát đã truy tố.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp, đúng quy định.

[2] Vào tháng 01 năm 2020, tại khu rừng K thuộc thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, Hà Văn M, Hà Văn P và Nguyễn Thị B đã có hành vi phá rừng trái phép, chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác, cải tạo. Khu rừng bị phá thuộc lô 7, 11, khoảnh 7, tiểu khu 441 (Bản đồ quy hoạch 3 loại rừng xã N), thuộc loại rừng sản xuất hỗn giao, gỗ tự nhiên, núi đất, thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên người sử dụng đất là hộ ông Hà Văn M, vào sổ cấp GCNQSDĐ số: 00293QSDĐ/490/11/2001, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 16/5/2002, cụ thể:

- Hà Văn M đã đồng ý cho Hà Văn P và Nguyễn Thị B phá khu rừng do mình đứng tên quyền sử dụng, đồng thời có hành vi cùng P và B trực tiếp phá khu rừng. Do vậy, Hà Văn M phải chịu trách nhiệm cùng P và B với tổng diện tích rừng bị phá là 33.830m<sup>2</sup>; thiệt hại về lâm sản với khối lượng 13,904m<sup>3</sup> (từ nhóm V đến nhóm VIII) và 83.424 cây Nứa, tổng giá trị tài là: 117.704.200đ.

- Hà Văn P đã có hành vi phá tổng diện tích rừng là 18.160m<sup>2</sup>; thiệt hại về lâm sản với khối lượng 2,804m<sup>3</sup> (từ nhóm V đến nhóm VIII) và 44.782 cây Nứa, tổng giá trị tài là: 60.284.900đ.

- Nguyễn Thị B đã có hành vi phá tổng diện tích rừng là 15.670m<sup>2</sup>; thiệt hại về lâm sản với khối lượng 11,100m<sup>3</sup> (từ nhóm V đến nhóm VIII) và 38.642 cây Nứa, tổng giá trị tài là 57.419.300đ.

Mục đích các bị cáo phá rừng là để cải tạo trồng cây keo phát triển kinh tế gia đình.

Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, trong đó các bị cáo đều có vai trò là người thực hành. Hội đồng xét xử căn cứ vào vai trò của các bị cáo để quyết định hình phạt cho phù hợp với quy định của pháp luật.

Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy có đủ căn cứ xác định việc truy tố, xét xử các bị cáo Hà Văn M, Hà Văn P, Nguyễn Thị B đều về tội “Huỷ hoại rừng” là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng. Nguyên nhân phạm tội một phần do việc thiếu hiểu biết, thiếu ý thức chấp hành pháp luật của các bị cáo, ngoài ra cũng thấy rằng công tác tuyên truyền, phòng chống hành vi phá rừng của chính quyền địa phương và lực lượng chuyên trách về quản lý và bảo vệ rừng vẫn còn hạn chế.

[3] Xét tính chất hành vi các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sự bền vững và ổn định của môi trường, gây khó khăn trong công tác quản lý, bảo vệ rừng của nhà nước, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự địa phương, cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo thấy:

- Đối với bị cáo M: nhân thân tốt: bản thân chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng và được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường thiệt hại, nguyên đơn dân sự xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có bố đẻ là ông Lộc Văn N được thưởng nhiều huân chương, ngoài ra hoàn cảnh gia đình bị cáo M khó khăn (năm 2019, 2020 đều thuộc hộ cận nghèo) - theo quy định tại điểm b, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51/BLHS.

- Đối với bị cáo P: nhân thân tốt: bản thân chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng và được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường thiệt hại, nguyên đơn dân sự xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có ông nội là ông Lộc Văn N được thưởng nhiều huân chương - theo quy định tại điểm b, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51/BLHS.

- Đối với bị cáo B: nhân thân tốt: bản thân chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng và được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường thiệt hại, bản thân bị cáo có thành tích xuất sắc trong công tác, nguyên đơn dân sự xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có bố chồng là ông Lộc Văn N được thưởng nhiều huân chương, có bố đẻ là ông Lộc Văn H được tặng bằng khen, có các cậu ruột Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn Y đều là liệt sỹ - theo quy định tại điểm b, s, v, khoản 1, khoản 2, Điều 51/BLHS.

Các bị cáo đều có nhân thân tốt, nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú cụ thể rõ ràng. Bị cáo B diện tích rừng phá và thiệt hại về lâm sản ít hơn bị cáo P, có nhiều tình tiết giảm nhẹ hơn bị cáo M và P, trong đó có 04 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, điều 51/BLHS – đủ điều kiện áp dụng điều 54/BLHS để xét xử bị cáo B dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật đã quy định.

Xét thấy các bị cáo đều có khả năng tự cải tạo và không cần thiết bắt các bị cáo đi chấp hành hình phạt tù, áp dụng điều 65/BLHS cho các bị cáo M, P, B được hưởng án treo là đảm bảo sự công bằng và khoan hồng của pháp luật, cho các bị cáo có cơ hội được sửa chữa mà vẫn đảm bảo tính răn đe, giáo dục, phòng ngừa.

[5] Trách nhiệm dân sự: Nguyên đơn dân sự không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trước thời điểm mở phiên tòa các bị cáo có nộp một khoản tiền (mỗi bị cáo 1.000.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C), tại phiên tòa các bị cáo đều khai mục đích nộp khoản tiền này là để phân nào bồi thường, khắc phục hậu quả do mình gây ra cho nguyên đơn dân sự là UBND huyện C. Tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn dân sự có ý kiến: nguyên đơn dân sự không yêu cầu bồi thường, tuy nhiên nếu các bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả thì nguyên đơn dân sự nhất trí và không có ý kiến gì thêm về vấn đề này. Xét thấy đây là sự tự nguyện bồi thường của các bị cáo, sự tự nguyện này không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Vật chứng:

- 01 con dao có chiều dài là 45 cm, thân dao dài 30cm, rộng 5cm, chuôi dao làm bằng gỗ dài 15 cm (dao cũ, đã qua sử dụng); 01 con dao có chiều dài là 44 cm, thân dao dài 28cm, bản rộng 4,7 cm, chuôi dao làm bằng gỗ dài 16 cm (dao cũ, đã qua sử dụng); 01 con dao quắm có thân dao dài 26 cm, chuôi dao dài 10cm, bản rộng 4,5 cm (dao cũ, đã qua sử dụng); 01 con dao quắm có chiều dài 60 cm, chuôi dao được làm bằng gỗ: tại phiên tòa các bị cáo đều khẳng định các vật chứng này không còn giá trị gì, trong đơn xin xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hà Thị A cũng có ý kiến cho rằng con dao của bà là vật chứng trong vụ án không còn giá trị, bà đề nghị tịch thu tiêu huỷ. Hội đồng xét xử xét thấy các vật chứng trên đều là công cụ, phương tiện phạm tội, tuy nhiên không còn giá trị nên tịch thu tiêu huỷ.

+ 01 chiếc cửa lóc màu vàng cam, nhãn hiệu Husqvarna 365 cũ, đã qua sử dụng, kèm theo 01 lưỡi lam màu trắng, có chiều dài là 60cm, lưỡi lam rộng 09 cm



và 01 dây xích màu đen: là công cụ, phương tiện phạm tội, còn giá trị, do đó tịch thu hoá giá sung quỹ nhà nước.

+ 61 khúc gỗ (từ nhóm V đến nhóm VIII), có khối lượng 13,904m<sup>3</sup> và 83.424 cây Nứa: tại phiên toà nguyên đơn dân sự có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử xử lý đối với số vật chứng này theo quy định của pháp luật, xét thấy đây là tài sản của UBND huyện C, do đó cần thiết trả lại cho nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân huyện C là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7]. Về quan điểm truy tố, đề nghị của Viện kiểm sát: là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Giai đoạn điều tra ban đầu, ngoài 03 bị cáo ra, còn có 07 đối tượng khác là anh em, họ hàng của các bị cáo đều khai nhận cùng các bị cáo có hành vi phá rừng, gồm: Hà Văn X, Hà Văn U, Hà Thị T cùng trú tại thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; Hà Thị S, Hà Thị Th cùng trú tại thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; Hà Thị V trú tại xã T, huyện P, tỉnh N; Hà Văn V trú tại xã C, huyện V, tỉnh N. Nhưng sau đó các bị cáo và những người có tên nêu trên đều khai nhận lại và không thừa nhận 07 người này có vi phạm hành chính, không bị xem xét xử lý hình sự. Nhưng sau đó các bị cáo và những người này đã nhận thức lại và khai đúng sự thật là 07 người nêu trên không biết sự việc và không được tham gia phá rừng. Quá trình điều tra xác định những người trên không có hành vi phá rừng là có cơ sở, đúng thực tế. Vì vậy, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý theo pháp luật hình sự đối với những người này là có căn cứ.

Trong vụ án này có bà Hà Thị A là người được Nguyễn Thị B nhờ phát rừng đồi công, bà A không biết khu rừng đã phát phá là chưa được cơ quan chức năng cấp phép, mục đích chỉ làm hộ, đồi công. Vì vậy, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý theo pháp luật hình sự đối với bà A là đúng quy định của pháp luật.

Mục đích các bị cáo huỷ hoại rừng là để cải tạo trồng cây keo phát triển kinh tế gia đình, chứ không có mục đích nào khác, nên hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

Các bị cáo phải chịu tiền án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH**

[1]. Tuyên bố các bị cáo: Hà Văn M, Hà Văn P, Nguyễn Thị B đều phạm tội “Huỷ hoại rừng”.

[2]. Căn cứ vào điểm đ, khoản 2, Điều 243; điểm b, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 65/BLHS.

Xử phạt: Hà Văn M: 36 (Ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 60 (Sáu mươi) tháng. Thời điểm bắt đầu tính thời gian thử thách là ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Hà Văn M cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp Hà Văn M thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3, Điều 92 và Điều 68 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

[3]. Căn cứ vào điểm đ, khoản 2, Điều 243; điểm b, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 65/BLHS.

Xử phạt: Hà Văn P: 36 (Ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 60 (Sáu mươi) tháng. Thời điểm bắt đầu tính thời gian thử thách là ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Hà Văn P cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp Hà Văn P thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3, Điều 92 và Điều 68 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

[4]. Căn cứ vào điểm đ, khoản 2, Điều 243; điểm b, s, v, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 54; Điều 65/BLHS.

Xử phạt: Nguyễn Thị B: 30 (Ba mươi) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 60 (Sáu mươi) tháng. Thời điểm bắt đầu tính thời gian thử thách là ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Thị B cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp Nguyễn Thị B thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3, Điều 92 và Điều 68 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người

được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

[5] Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48/BLHS; Các điều 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường thiệt hại của các bị cáo Hà Văn M, Hà Văn P, Nguyễn Thị B cho nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn, mỗi bị cáo với số tiền là: 1.000.000 đ (Một triệu đồng), được trừ vào số tiền các bị cáo đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bắc Kạn theo các biên lai số 07592 (Hà Văn P), 07593 (Nguyễn Thị B), 07594 (Hà Văn M) – đều ngày 02/4/2021.

[6] Vật chứng: Áp dụng điều 47/BLHS và Điều 106/BLTTHS:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao có chiều dài là 45 cm, thân dao dài 30cm, rộng 5cm, chuôi dao làm bằng gỗ dài 15 cm (dao cũ, đã qua sử dụng); 01 con dao có chiều dài là 44 cm, thân dao dài 28cm, bản rộng 4,7 cm, chuôi dao làm bằng gỗ dài 16 cm (dao cũ, đã qua sử dụng); 01 con dao quắm có thân dao dài 26 cm, chuôi dao dài 10cm, bản rộng 4,5 cm (dao cũ, đã qua sử dụng); 01 con dao quắm có chiều dài 60 cm, chuôi dao được làm bằng gỗ.

+ Tịch thu hoá giá sung quỹ nhà nước: 01 chiếc cưa lóc màu vàng cam, nhãn hiệu Husqvarna 365 cũ, đã qua sử dụng, kèm theo 01 lưỡi lam màu trắng, có chiều dài là 60cm, lưỡi lam rộng 09 cm và 01 dây xích màu đen.

+ Trả lại cho Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn: 61 khúc gỗ (từ nhóm V đến nhóm VIII), có khối lượng 13,904m<sup>3</sup> và 83.424 cây Nứa. *(Số lượng, tình trạng vật chứng theo biên bản bàn giao vật chứng vụ án ngày 18/5/2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn và Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn).*

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 23 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo M, P, B – mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

*“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị*

*cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

[8] Quyền kháng cáo: các bị cáo, nguyên đơn dân sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hà Thị A vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSTBK: 1
- VKSCM: 3
- CAHCM: 2
- Bị cáo: 3
- NĐDS: 1
- NCQLNVLQ 1
- STPTBK: 1
- TA tỉnh: 1
- T.H.A: 2
- Lưu hồ sơ: 1
- Lưu VP: 1.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Triệu Thị Vang**

Số: 04/2021/TA - TB

*Chợ Mới, ngày 17 tháng 5 năm 2021*

**THÔNG BÁO  
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN**

Căn cứ các Điều 45, 260 và 261 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Xét thấy Bản án hình sự sơ thẩm số: 19/2021/HS - ST ngày 19/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới có lỗi cần được sửa chữa, bổ sung như sau:

Về nội dung tại các dòng 14, 15 từ dưới lên trang 11 của Bản án sơ thẩm nêu trên đã ghi: "...cho nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn, mỗi bị cáo với số tiền là: 1.000.000đ (Một triệu đồng)..."

Nay được sửa chữa, bổ sung như sau: "...cho nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn, mỗi bị cáo với số tiền là: 1.000.000đ (Một triệu đồng) để sung quỹ nhà nước (chuyển nộp ngân sách)..."

Nơi nhận:

- VKSTBK: 1
- VKSCM: 3
- CAHCM: 2
- Bị cáo: 3
- NĐDS: 1
- NCQLNVLQ 1
- STPTBK: 1
- TA tỉnh: 1
- T.H.A: 2
- Lưu hồ sơ: 1
- Lưu VP: 1.

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**TRIỆU THỊ VANG**